

BỐI CẢNH RA ĐỜI VÀ Ý NGHĨA CỦA ĐỀ CƯƠNG VĂN HOÁ NĂM 1943

PHẠM MAI HÙNG*

Năm 1981 nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 Đề cương văn hoá Việt Nam ra đời, đồng chí Trường Chinh, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước đã đọc một bài diễn văn quan trọng. Đề cập tới nội dung cơ bản của Đề cương văn hoá Việt Nam, đồng chí Trường Chinh chỉ rõ: “Đề cương văn hoá Việt Nam không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hoá Việt Nam... Nhưng Đề cương văn hoá đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hoá Việt Nam dưới ánh sáng của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt Nam”(1). Chúng tôi nhận thức rằng, điều kiện lúc đó chính là bối cảnh lịch sử ra đời của Đề cương văn hoá Việt Nam.

Như chúng ta đã biết trước năm 1943 tình hình thế giới, Đông Dương, cũng như trong nước rất căng thẳng, thậm chí nghẹt thở. Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918), đặc biệt từ năm 1929 trở đi những cuộc khủng hoảng kinh tế với chu kỳ ngày càng rút ngắn và quy luật phát triển không đồng đều của chủ nghĩa tư bản đã đẩy những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa đế quốc tới mức sâu sắc. Giai cấp tư sản thống trị ở nhiều nước không thể tiếp tục cai trị bằng chế độ đại nghị và nền dân chủ tư sản được nữa, nên chúng chuyển sang nền chuyên chính phát xít đúng như dự đoán của Quốc tế Cộng sản. Và, trên thực tế ở Đức, Ý, Nhật, nền chuyên chính phát xít đã được thiết lập. ở Ba Lan, Phần Lan, Áo, Hy Lạp, Nam Tư, Tây Ban Nha, Mỹ, Anh, Pháp v.v... chủ nghĩa phát xít hình thành và phát triển.

Trong lịch sử nhân loại chưa từng tồn tại một nền chuyên chính nào lại độc tài, tàn bạo, dã man, hiếu chiến như nền chuyên chính phát xít. Bởi nền chuyên chính này xoá bỏ mọi quyền tự do dân chủ tư sản dù là đơn sơ nhất, thực hành khủng bố trắng trợn đối với bất cứ người nào, tổ chức nào, lực lượng nào chống lại nó. Nó bóc lột thậm tệ giai cấp công nhân và nhân dân lao

động. Đồng thời nó điên cuồng xúc tiến chuẩn bị chiến tranh thế giới lần thứ hai để chia lại thị trường và tiêu diệt Liên Xô - thành tựu của cách mạng vô sản thế giới. Trước tình hình đó, Quốc tế Cộng sản đã tiến hành đại hội lần thứ 7. Đại hội đã phân tích một cách khoa học bản chất của chủ nghĩa phát xít và vạch rõ: Kẻ thù nguy hiểm nhất của nhân dân thế giới lúc này không phải là chủ nghĩa tư bản, hoặc chủ nghĩa đế quốc nói chung, mà là chủ nghĩa phát xít. Do vậy nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân quốc tế chưa phải là đấu tranh đánh đổ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội mà là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh đế quốc, giành dân chủ và hoà bình. Đại hội chủ trương xây dựng sự thống nhất hành động của giai cấp công nhân ở từng nước và trên toàn thế giới; dựa trên cơ sở mặt trận thống nhất của giai cấp công nhân, thiết lập mặt trận nhân dân rộng rãi đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.

Ở Đông Dương chế độ phát xít cũng đã ra đời. Chúng thẳng tay đàn áp các phong trào cách mạng, giải tán các tổ chức quần chúng, điên cuồng tấn công Đảng Cộng sản.

Ngày 1 tháng 9 năm 1939, phát xít Đức tấn công ở ạt nước Ba Lan dân chủ. Ngày 3 tháng 9, sau khi đòi Đức rút quân khỏi lãnh thổ Ba Lan không được chấp nhận, Anh, Pháp và các thuộc địa của các nước này tuyên chiến với Đức. Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai bắt đầu. Lợi dụng sự thất thủ và đầu hàng của các đế quốc có thuộc địa ở Châu Á như Anh, Pháp, Hà Lan, phát xít Nhật nhanh chóng cướp lấy thuộc địa, nô dịch nhiều dân tộc ở khu vực này. Quả vậy, chỉ sau ba tháng khi Pháp thất thủ, đầu hàng phát xít Đức, ngày 22 tháng 9 năm 1940, Nhật Bản cho quân vượt biên giới Việt - Trung đánh vào Lạng Sơn, đồng thời cho 6000 quân theo đường biển đổ bộ lên Đồ Sơn (Hải Phòng). Thực dân Pháp đầu hàng phải ký với

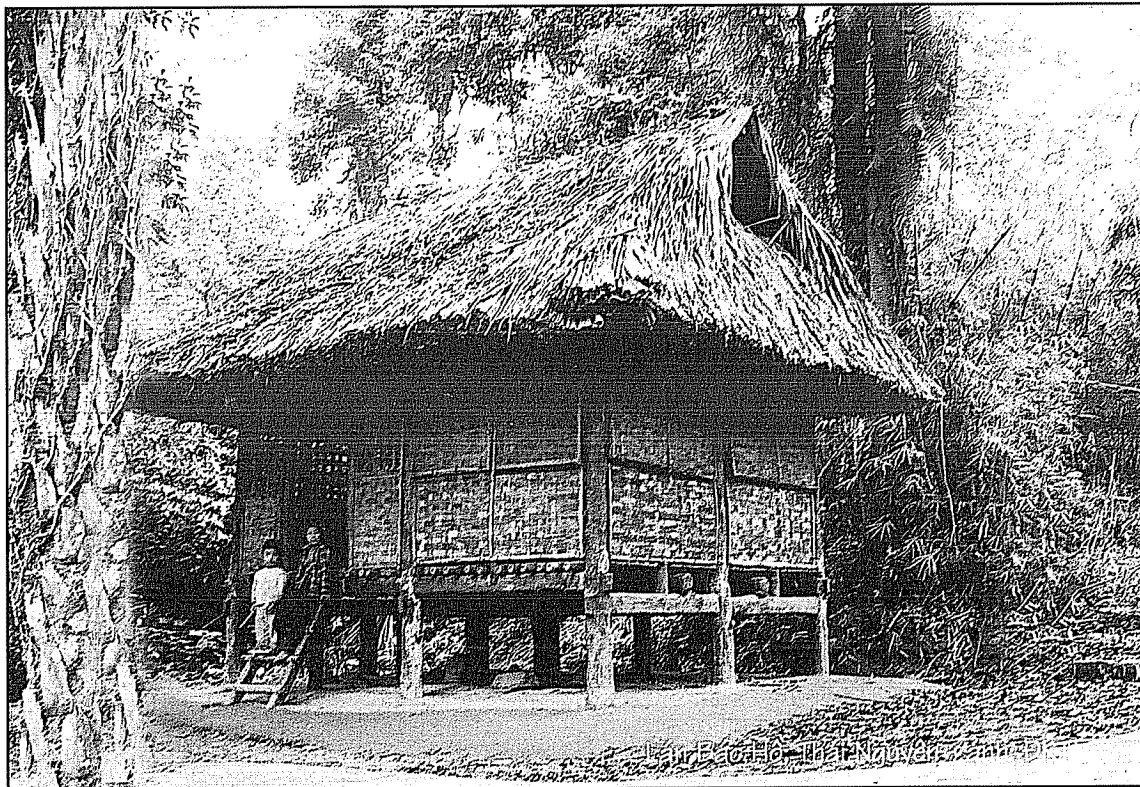
*PGS.TS. Giám đốc bảo tàng Cách Mạng VN

Nhật hiệp ước mà theo đó nước Việt Nam trở thành thuộc địa của cả Pháp và Nhật. Phát xít Nhật-Pháp điên cuồng khủng bố Đảng Cộng sản. Ngày 28 tháng 9 năm 1939, Toàn quyền Đông Dương Catroux (Catroux) ban bố Nghị định giải tán các tổ chức nghiệp đoàn và tương tế ái hữu ở Đông Dương; Ngày 5 tháng 10 năm 1939, chính phủ Nam Triều ra đạo dụ cấm hội họp, tuyên truyền cộng sản và tịch thu các sách báo tiến bộ ở Việt Nam. Nhiều cán bộ của Đảng bị bắt giam, hàng loạt trại giam mới như Bá Vân, Bắc Mê, Nghĩa Lộ (Bắc Kỳ), Tà Lài, Bà Rá (Nam Kỳ), Đắc Lay, Đắc Tô, Trà Kê (Trung Kỳ) mọc lên.

Để phục vụ cho nhu cầu của chiến tranh, chế độ phát xít ở Việt Nam đã tăng cường bắt lính để bổ sung cho quân đội phát xít ở Đông Dương và các chiến trường. Cướp bóc lúa gạo, cúp lương, tăng giờ làm, xa thải thợ thuyền, tăng thuế, ban hành các thuế mới và các loại công trái. Bất nông dân phải nhổ lúa trồng đay, trồng thầu dầu để lấy nguyên liệu phục vụ cho chiến tranh. Thuyền bè, xe cộ bị trưng thu. Có thể khẳng định phát xít Nhật và thực dân Pháp đã thực thi ở Đông Dương, ở Việt Nam một nền kinh tế chỉ huy, độc quyền. Đông Dương đã bị guồng máy chiến tranh làm đảo lộn. Nông nghiệp bị suy sụp, công nghiệp nhẹ và các ngành thủ công bị sa sút, đưa tới những thay

đổi cơ bản trong đời sống của các giai cấp, giai tầng xã hội trong toàn cõi Đông Dương, làm cho các tầng lớp, các giai cấp có sự phân hoá rõ rệt. Giai cấp công nhân bị tước đoạt hết những thành quả đạt được trong đấu tranh thời kỳ mặt trận dân chủ, đời sống lâm vào cảnh bần cùng hoá. Giai cấp tiểu tư sản bị đẩy vào con đường bế tắc. Trí thức, viên chức thất nghiệp. Giai cấp địa chủ phong kiến, giai cấp tư sản cũng có sự phân hoá sâu sắc. Một số giàu lên nhờ thầu khoán các công trình phục vụ chiến tranh, nhờ mua rẻ ruộng đất của nông dân và tiểu điền chủ. Mâu thuẫn giai cấp giữa công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức, tư sản dân tộc với đế quốc Pháp, phát xít Nhật trở nên gay gắt. Độc lập dân tộc và tự do dân chủ trở thành nhu cầu số một của mỗi người Việt Nam.

Về tư tưởng-văn hoá: thực dân Pháp, phát xít Nhật thực thi chính sách cực kỳ phản động trên tất cả các mặt của đời sống xã hội. Nếu như ở thời kỳ 1936-1939 Đảng đã triệt để sử dụng báo chí công khai làm công cụ tuyên truyền, mà tiêu biểu là các tờ Tiếng nói của chúng ta (Notre Voix), Lao động (Le Travail), Tin tức (ở Bắc kỳ), Nhân lúa, Dân, Sông Hương tục bản (ở Trung kỳ), Nhân dân (Le Peuple), Dân chúng, Lao động, Mới (ở Nam kỳ). Sau các cuộc bút chiến nảy lửa về triết học xung quanh nhận thức về



duy vật và duy tâm, về nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị dân sinh, Đảng Cộng sản Đông Dương đã nắm vai trò lãnh đạo về văn hoá. Trên văn đàn, văn học hiện thực phê phán đã thế chỗ cho văn học lãng mạn. Các tác phẩm Tắt đèn, Việc làng của Ngô Tất Tố, Bỉ Vỏ của Nguyễn Hồng, Bước đường cùng của Nguyễn Công Hoan, Số đỏ của Vũ Trọng Phụng, Lầm than của Lan Khai v.v... tuy còn có những hạn chế nhất định, nhưng đã phản ánh một cách sinh động hiện thực lầm than đau khổ dưới ách thực dân phong kiến, thì nay điều kiện đó không còn. Cả Pháp, Nhật đều lợi dụng văn hoá, lôi kéo văn nghệ sĩ và các phương tiện văn hoá phục vụ cho chế độ thống trị của chúng.

Đồng chí Trường Chinh viết: "Đặt chân lên đất Đông Dương, đế quốc Nhật liền lợi dụng văn hoá để tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông Á. Chúng làm cho một số trí thức không thấy được bản chất tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc và tin rằng người Nhật là bạn "da vàng" sẽ giúp đỡ các dân tộc "da vàng" thoát khỏi ách thuộc địa của các nước phương Tây... Với chương trình văn hoá Nhật - Việt, phát xít Nhật tuyển thanh niên đi học ở Nhật, tổ chức những đoàn tham quan và những hoạt động nghệ thuật để tuyên truyền cho cái gọi là "tính ưu việt" của văn hoá Phù Tang... Phát xít Pháp lúc đó cũng cực kỳ nguy hại và thâm độc. Chúng dùng bất cứ hình thức nào, phương tiện nào miễn là đánh lạc hướng được người dân Việt Nam khỏi con đường cứu nước của Đảng... Chúng vừa phục hồi những quan điểm đạo đức cổ hủ và giả dối của giai cấp địa chủ phong kiến, lại vừa tuyên truyền lối sống dâm ô đồi trụy của giai cấp tư sản. Chúng vừa khuyến khích mê tín dị đoan, hủ tục, lại vừa du nhập các trào lưu văn hoá phản động mệnh danh là "mới"... Cho bon Tờ rất kít thành lập Nhà xuất bản Hàn Thuyên, in ra loại sách Tân văn hoá và tạp chí "Văn mới nghị luận"... Điều nguy hại là nó dùng chủ nghĩa giả hiệu của bọn Tờ rất kít để tiến công vào chủ nghĩa Mác chân chính"(2).

Sống trong hoàn cảnh đó và do sự hạn chế của thế giới quan, nhiều văn nghệ sĩ lâm vào tình trạng hoang mang, do dự, bi quan, hoài nghi, lẫn trốn sự thật, quay trở về với quá khứ, một số ít sống truy lạc và "sáng tác điên loạn", lại có những nhà khoa học ẩn mình trong các phòng "nghiên cứu âm thầm" coi mình không dính dáng gì tới chính trị, tới thời cuộc. Vì vậy cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng-văn hoá giữa các lực lượng yêu nước với phát xít Nhật-

Pháp đã diễn ra rất quyết liệt và gay gắt.

Từ bối cảnh lịch sử quốc tế, trong nước diễn ra như thế... vận dụng một cách sáng tạo Nghị quyết đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng dưới sự chủ tọa của Bác Hồ từ ngày 10 đến ngày 19 tháng 5 năm 1941 tại Pắc Bó (Cao Bằng) đã phân tích thấu đáo nguồn gốc, đặc điểm, tính chất của chiến tranh thế giới lần thứ hai, dự đoán triển vọng của sự nghiệp giải phóng của giai cấp vô sản toàn thế giới. Ở hội nghị này, tư tưởng của Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp được trở về đúng với quỹ đạo của nó. Bằng sự mẫn cảm có cơ sở của mình, các thành viên tham dự hội nghị dự báo rằng sớm hay muộn Nhật-Pháp cũng sẽ cấu xé nhau chí tử và dĩ nhiên Nhật sẽ hất cẳng Pháp để độc chiếm Đông Dương, độc chiếm Việt Nam và đó là thời cơ có một không hai cho dân tộc ta giành lại độc lập. Lịch sử đã diễn ra đúng như thế. Dĩ nhiên để đón thời cơ, kịp thời chớp được thời cơ "thì nhiệm vụ cấp bách lúc đó là làm thế nào huy động được mọi lực lượng để cứu nước, giải phóng dân tộc. Muốn thế phải đoàn kết được tất cả những người ta có thể đoàn kết, tranh thủ tất cả những người ta có thể tranh thủ. Mặt trận Việt Minh đã ra đời trong hoàn cảnh đó để thực hiện chính sách đại đoàn kết của Đảng. Từ công nhân, nông dân, trí thức, tiểu tư sản đến tư sản dân tộc và một số tiểu địa chủ, tất cả đều đứng dưới ngọn cờ cứu nước của Đảng và của mặt trận Việt Minh để đánh đổ Nhật-Pháp(3). Đến Hội nghị thường vụ Trung ương đảng ngày 25 tháng 2 năm 1943, Đảng chủ trương: "Đảng cần có cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hoá, dựng gậy ra một phong trào văn hoá tiến bộ, văn hoá cứu quốc chống lại văn hoá phát xít thụt lùi. Ở những đô thị văn hoá như Hà Nội, Sài Gòn, Huế v.v... phải gây ra các tổ chức văn hoá cứu quốc và phải dùng các hình thức công khai hay bán công khai dựng đoàn kết các nhà văn hoá và trí thức v.v..."

Những nét tóm lược diễn biến của tình hình thế giới, trong nước trình bày như trên có lẽ đủ để chỉ ra rằng Đề cương văn hoá Việt Nam năm 1943 đã ra đời trong bối cảnh đó và nó đã đáp ứng được yêu cầu là tập hợp được đội ngũ trí thức để chống phát xít Nhật, thực dân Pháp.

Nội dung tổng thể của Đề cương văn hoá Việt Nam năm 1943 bao gồm mấy vấn đề hết sức lớn: 1/ Cách đặt vấn đề; 2/ Lịch sử và tính chất văn hoá Việt Nam; 3/ Nguyên cơ văn hoá dưới ách

phát xít Nhật-Pháp; 4/ Vấn đề cách mạng và văn hoá Việt Nam; 5/ Nhiệm vụ cấp bách của những nhà văn hoá Mác xít Đông Dương và nhất là những nhà văn hoá Mác xít ở Việt Nam. Mỗi một vấn đề lại được trình bày những nội dung rất cơ bản và các nội dung đó gắn quyện với nhau để chỉ ra rằng ở Việt Nam tất yếu phải tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá. Cuộc cách mạng đó phải do Đảng lãnh đạo. Đây là một văn kiện hết sức xúc tích, hết sức ngắn gọn, tất cả chỉ khoảng 1.500 chữ. Nhưng đặt nó trong bối cảnh lịch sử, bối cảnh xã hội, bối cảnh phong trào cách mạng và bối cảnh văn hoá-nghệ thuật nước ta lúc đó, Đề cương văn hoá Việt Nam có ý nghĩa về nhiều mặt.

Bản về ý nghĩa của Đề cương văn hoá Việt Nam năm 1943, đã có quá nhiều công trình đề cập tới, bản thân tác giả của bản đề cương - Đồng chí Trường Chinh - người trực tiếp nghiên cứu, soạn thảo và trình bày trước Hội nghị Thường vụ Trung ương tháng 2 năm 1943, người trực tiếp tham gia chỉ đạo thực hiện và



kiểm nghiệm nó trong hiện thực đời sống xã hội. Sau 5 năm, ông đã trình bày kỹ hơn, sâu sắc hơn những quan điểm cơ bản của Đảng về Đề cương văn hoá trong Hội nghị văn hoá toàn quốc lần thứ hai, tháng 7 năm 1948, dưới tiêu đề: Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam và đã chỉ ra những ý nghĩa to lớn của Đề cương văn hoá. Về phần mình chúng tôi nghĩ rằng Đề cương văn hoá Việt Nam năm 1943 có ý nghĩa thời sự, ý nghĩa thực tiễn rất cao bởi nó thức tỉnh những trí thức, những văn nghệ sĩ đang bị quan, dao động, mất phương hướng thấy được lối thoát, muốn mình được giải phóng trước hết phải tự nguyện dấn thân vào con đường giải phóng dân tộc và chính họ phải là lực lượng xung kích tham gia vào mặt trận văn hoá - tư tưởng, lên tiếng chống lại các luận điệu bịp bợm, mị dân, xuyên tạc chủ nghĩa Mác của bọn Tờ rốt kít nịnh bợ, tâng bốc "văn minh" Phù Tang cũng như văn minh, dân chủ giả tạo của thực dân Pháp; phải đoàn kết nhau lại trong Hội văn hoá cứu quốc. Bằng hoạt động thực tiễn của mình phải góp phần cô lập kẻ thù, tham gia mở rộng mặt trận chống phát xít, chống lại các chính sách văn hoá phát xít của cả Nhật và Pháp, họ đã làm được điều đó. Đây chỉ là ý nghĩa có tính thời sự, còn ý nghĩa bao trùm của Đề cương văn hoá lại là ý nghĩa thời đại của nó: Đây là văn kiện đầu tiên Đảng ta trình bày rõ ràng những quan điểm cơ bản của mình về văn hoá, về vị trí của văn hoá trong tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc, về sự tất yếu phải tiến hành cách mạng tư tưởng văn hoá và định hướng nội dung xây dựng nền văn hoá trên cơ sở thẩm nhuần 3 nguyên tắc: Dân tộc, khoa học và đại chúng. Sáu thập kỷ đã trôi qua, nhưng giá trị và ý nghĩa của Đề cương văn hoá 1943 vẫn còn nguyên vẹn và nó sẽ còn tồn tại cùng với sự phát triển của đất nước.

D.M.H

Chú thích

- (1) Bốn mươi năm Đề cương văn hoá Việt Nam - Nhà Xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1985.
- (2) Sách đã dẫn trang 9
- (3) Sách đã dẫn trang 7